TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thuỷ

2. Bà Trần Thị Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà L.M.T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Đường P, Phường Đ, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông N.H.A, sinh năm 1979

Địa chỉ: Đường T, Phường O, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2022, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà L.M.T trình bày:

Bà và ông A chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87 do Ủy ban nhân dân Phường O, Quận L chứng nhận ngày 04/07/2006.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng luôn xảy ra những bất đồng do không phù hợp cách sống, lối suy nghĩ. Từ đó mâu thuẫn

ngày càng gay gắt, trầm trọng, Bà và ông A không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Ngày 04/3/2022, bà đã nộp xin ly hôn với ông N.H.A tại Tòa án nhân dân Quận 10. Trong quá trình Tóa án xác minh thì ông A không còn cư trú tại địa phương. Bà T đã làm thủ tục "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú", Tòa án nhân dân Quận 10 đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 320/2022/QĐST-DS ngày 19/9/2022. Từ đó đến nay giữa bà và ông A vẫn không có mối liên hệ nào. Vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông N.H.A để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Giữa bà và ông A có với nhau hai con chung là N.H.M.C, sinh ngày 21/3/2007 và N.H.B.C, sinh ngày 10/12/2008. Từ nhỏ hai con do bà chăm sóc nuôi dạy, nay bà xin tiếp tục được nuôi day và chăm sóc hai con, không yêu cầu ông N.H.A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 23/12/2023, bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông N.H.A nhưng ông A vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A là "Tranh chấp về ly hôn". Bị đơn ông N.H.A có địa chỉ cư trú tại Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông A.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn:

Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên, giữa bà T và ông A lại sống ly thân cho thấy mục đích hôn nhân của bà T và ông A không đạt được. Hơn nữa, ông A đã được Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác cho ông A. Sau khi bà T tiến hành các thủ tục đăng báo tìm kiếm nhưng ông A vẫn không liên lạc với bà T cũng như có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà T. Như vậy, ông A cũng không còn quan tâm, thiết tha đến cuộc sống hôn nhân này nữa. Mặt khác, bà T đã không còn tình cảm vợ chồng nên tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông A không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Giữa bà T và ông A chung sống có hai con chung tên N.H.M.C, sinh ngày 21/3/2007 và N.H.B.C, sinh ngày 10/12/2008. Ông A không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của bà T, trẻ M.C và trẻ B.C hiện nay đang ở với mẹ, để ổn định cuộc sống cho hai trẻ nên xét thấy việc giao cho bà T trực tiếp nuôi con là chính đáng và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà L.M.T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L.M.T được ly hôn với ông N.H.A.

- Về con chung: Giao hai trẻ N.H.M.C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 và trẻ N.H.B.C, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Ông N.H.A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà L.M.T chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019195 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
	Lê Thị Lan